

Số: 64/2021/QĐST-HNGĐ

D, ngày 26 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H; nơi cư trú: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố H

Bị đơn: Anh Bùi Xuân T; nơi cư trú: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Bùi Xuân T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Bùi Xuân T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày 28-7-2011; cháu Bùi Xuân D, sinh ngày 25-02-2015; và cháu Bùi Hà M, sinh ngày 23-5-2017. Khi ly hôn vợ chồng thoả thuận giao con chung là cháu Bùi Gia H, cháu Bùi Hà M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Bùi Xuân D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được can thiệp quyền thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0013417 ngày 06/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị H được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (để thi hành);
- TAND thành phố H;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố H;
- UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố H (Giấy CNKH số 03/2011);
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Song Hải

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nH dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nH dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nH dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nH dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nH dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nH dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nH dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

án nH dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).